**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU**
**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Phạm Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62A/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐST– HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1990;
Địa chỉ cư trú: thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Phan Quốc D, sinh năm 1983;
Địa chỉ cư trú: xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/012018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày:*

Bà và ông D sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện sống với nhau và ngày 31/5/2010 tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân của bà A và ông D hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó từ năm 2011thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà A là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và mỗi khi cãi nhau xong thì ông D lại bỏ đi, không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng như vậy kéo dài khoảng 03 năm thì hai bên quyết định sống ly thân và trong thời gian này hai người ở hai địa chỉ khác nhau, không còn quan tâm đến nhau. Tại tòa, một lần nữa bà A xác định không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Thị Tường Vy, sinh ngày 25/10/2010. Bà A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ông D trình bày:**

Trong thời gian ông và bà A sống chung với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn và hai vợ chồng đã ly thân nhau được trên 04 năm nên ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Thị Tường Vy, sinh ngày 25/10/2010. Ông D đồng ý giao con cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như nội dung đơn khởi kiện và các lần làm việc tại toà.

Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con. Không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới cũng như không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà A và ông D phát sinh mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân, không cùng chung sống với nhau, bà A xác định không còn tình cảm với ông D và ông D cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A; Về con chung: Bà A và ông D có 01 con chung tên Phan Thị Tường Vy, sinh ngày 25/10/2010, để đảm bảo nuôi dạy chăm sóc con tốt nhất thì việc giao cháu Vy cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Vy; Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông D và bà A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Phạm Thị A có đơn khởi kiện về "Ly hôn" với ông Phan Quốc D, có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ ông D đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng ông D chỉ làm bản tự khai nộp Tòa, ngoài ra không đến Tòa để tham gia tố tụng, tham gia hòa giải… giải quyết vụ việc ly hôn của vợ chồng ông. Ông D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Nhận thấy, việc ông D vắng mặt, đồng nghĩa với việc ông D từ chối quyền và nghĩa vụ

giao nộp chứng cứ cho Tòa án, từ chối tham gia quá trình tố tụng do pháp luật qui định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và xét thấy, việc vắng mặt của ông D không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định pháp luật Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt ông D.

[2]. Về hôn nhân: Xét bà Phạm Thị A và ông Phan Quốc D chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 31/5/2010, như vậy hôn nhân giữa bà A và ông D là hợp pháp.

Trong thời gian bà A và ông D chung sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà A là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và mỗi khi cãi nhau xong thì ông D lại bỏ đi, không quan tâm đến vợ con.

Ông D mặc dù không hợp tác trong việc đến tòa để Tòa tiến hành thủ tục hòa giải nhưng có viết bản tự khai nêu rõ: Trong thời gian ông và bà A sống chung với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn và hai vợ chồng đã ly thân nhau được trên 04 năm nên ông Hùng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn gia đình hai người nêu có khác nhau nhưng mâu thuẫn là có thật và theo thời gian thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết. Ông D không đến Tòa nhưng ông xác định mâu thuẫn và đồng ý ly hôn vì không thể hàn gắn, cùng nhau chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Cũng do ông D vắng mặt, để xem xét yêu cầu của bà A, Tòa đã tiến hành xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Kết quả biên bản xác minh tại địa phương cho thấy bà A va ông D trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bà A và ông D đã ly thân khoảng 4 năm, hiện không sống chung với nhau nữa. Con chung giữa bà A và ông D hiện do bà A trực tiếp chăm sóc.

Nay bà A cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông D nên khả năng đoàn tụ là rất khó khăn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà A có cơ sở để xem xét nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: có 01 con chung tên Phan Thị Tường Vy, sinh ngày 25/10/2010. Cháu Vy đã đủ tuổi theo quy định pháp luật được nêu quan điểm ý kiến về việc có nguyện vọng ở với ai khi bố mẹ ly hôn và cháu Vy có nguyện vọng ở với bà A. Bà A có nguyện vọng tha thiết trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy và hiện nay bà A cũng có công việc ổn định, có thu nhập. Vì vậy, để đảm bảo nuôi dạy chăm sóc cháu Vy được tốt nhất thì việc giao cháu Vy cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà A và ông D không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà A phải nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 273 của Bộ Luật tố

tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh Ngọc.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Quốc D và bà Phạm Thị A ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Phan Thị Tường Vy, sinh ngày 25/10/2010 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của các con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình,Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông D và bà A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị A nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001832 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà A đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**